

THÔNG BÁO THU TIỀN THÁNG 2/2024

STT	Nội dung thu	Số tiền thu tháng 2				Số tiền phải đóng	Ghi chú
		số ngày	Số tiền /ngày	Tổng cộng	Tháng 2		
I	KHỐI 1 : (BÁN TRÚ)					603.000	
	Các khoản thu hỗ trợ cho cá nhân					357.000	
1	Tiền suất ăn trưa bán trú/tháng	11	32.000	352.000	352.000	352.000	
2	Tiền nước uống/tháng				5.000	5.000	
	Các khoản thu phục vụ cho hoạt động giáo dục ngoài giờ học chính khóa			-	206.000	206.000	
1	Tiền tổ chức các chương trình kỹ năng sống/tháng				34.500	34.500	
2	Tiền tổ chức học ngoại ngữ với người nước ngoài/tháng				115.000	115.000	8 tiết/tháng
3	Tiền tổ chức dạy môn tin học tự chọn/ tháng				11.500	11.500	
4	Tiền tổ chức giáo dục Stem/tháng				45.000	45.000	Chỉ thu lớp đăng ký học
	Các khoản thu phục vụ cho hoạt động bán trú			-	40.000	40.000	
1	Tiền tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú/tháng				40.000	40.000	
II	KHỐI 1 : (HAI BUỔI)					166.000	
	Các khoản thu hỗ trợ cho cá nhân			-	5.000	5.000	
1	Tiền nước uống/tháng				5.000	5.000	
	Các khoản thu phục vụ cho hoạt động giáo dục ngoài giờ học chính khóa			-	161.000	161.000	
1	Tiền tổ chức các chương trình kỹ năng sống/tháng				34.500	34.500	
2	Tiền tổ chức học ngoại ngữ với người nước ngoài/tháng				115.000	115.000	8 tiết/tháng
3	Tiền tổ chức dạy môn tin học tự chọn/ tháng				11.500	11.500	
III	KHỐI 2 : (BÁN TRÚ)					603.000	
	Các khoản thu hỗ trợ cho cá nhân					357.000	
1	Tiền suất ăn trưa bán trú/tháng	11	32.000	352.000		352.000	
2	Tiền nước uống/tháng				5.000	5.000	



STT	Nội dung thu	Số tiền thu tháng 2				Số tiền phải đồng	Ghi chú
		số ngày	Số tiền /ngày	Tổng cộng	Tháng 2		
	Các khoản thu phục vụ cho hoạt động giáo dục ngoài giờ học chính khoá			-	206.000	206.000	
1	Tiền tổ chức các chương trình kỹ năng sống/tháng				34.500	34.500	
2	Tiền tổ chức học ngoại ngữ với người nước ngoài/tháng				115.000	115.000	8 tiết/tháng
3	Tiền tổ chức dạy môn tin học tự chọn/ tháng				11.500	11.500	
4	Tiền tổ chức giáo dục Stem/tháng				45.000	45.000	Chỉ thu lớp đăng ký học
	Các khoản thu phục vụ cho hoạt động bán trú			-	40.000	40.000	
1	Tiền tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú/tháng				40.000	40.000	
IV	KHỐI 2 : (HAI BUỔI)					166.000	
	Các khoản thu hỗ trợ cho cá nhân			-		5.000	
1	Tiền suất ăn trưa bán trú/tháng				5.000	5.000	
	Các khoản thu phục vụ cho hoạt động giáo dục ngoài giờ học chính khoá			-	161.000	161.000	
1	Tiền tổ chức các chương trình kỹ năng sống/tháng				34.500	34.500	
2	Tiền tổ chức học ngoại ngữ với người nước ngoài/tháng				115.000	115.000	8 tiết/tháng
3	Tiền tổ chức dạy môn tin học tự chọn/ tháng				11.500	11.500	
V	KHỐI 3 : (BÁN TRÚ)					546.500	
	Các khoản thu hỗ trợ cho cá nhân					357.000	
1	Tiền suất ăn trưa bán trú/tháng	11	32.000	352.000		352.000	
2	Tiền nước uống/tháng				5.000	5.000	
	Các khoản thu phục vụ cho hoạt động giáo dục ngoài giờ học chính khoá			-	149.500	149.500	
1	Tiền tổ chức các chương trình kỹ năng sống/tháng				34.500	34.500	
2	Tiền tổ chức học ngoại ngữ với người nước ngoài/tháng				115.000	115.000	8 tiết/tháng
	Các khoản thu phục vụ cho hoạt động bán trú			-	40.000	40.000	
1	Tiền tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú/tháng				40.000	40.000	
IV	KHỐI 3 : (HAI BUỔI)					154.500	

STT	Nội dung thu	Số tiền thu tháng 2				Số tiền phải đóng	Ghi chú
		số ngày	Số tiền /ngày	Tổng cộng	Tháng 2		
	Các khoản thu hỗ trợ cho cá nhân			-	5.000	5.000	
1	Tiền nước uống/tháng				5.000	5.000	
	Các khoản thu phục vụ cho hoạt động giáo dục ngoài giờ học chính khoá			-	149.500	149.500	
1	Tiền tổ chức các chương trình kỹ năng sống/tháng				34.500	34.500	
2	Tiền tổ chức học ngoại ngữ với người nước ngoài/tháng				115.000	115.000	8 tiết/tháng
VII	KHỐI 4 : (BÁN TRÚ)					591.500	
	Các khoản thu hỗ trợ cho cá nhân					357.000	
1	Tiền suất ăn trưa bán trú/tháng	11	32.000	352.000		352.000	
2	Tiền nước uống/tháng				5.000	5.000	
	Các khoản thu phục vụ cho hoạt động giáo dục ngoài giờ học chính khoá			-	194.500	194.500	
1	Tiền tổ chức các chương trình kỹ năng sống/tháng				34.500	34.500	
2	Tiền tổ chức học ngoại ngữ với người nước ngoài/tháng				115.000	115.000	8 tiết/tháng
3	Tiền tổ chức giáo dục Stem/tháng				45.000	45.000	Chỉ thu lớp đăng ký học
	Các khoản thu phục vụ cho hoạt động bán trú			-	40.000	40.000	
1	Tiền tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú/tháng				40.000	40.000	
VIII	KHỐI 4 : (2 BUỔI)					154.500	
	Các khoản thu hỗ trợ cho cá nhân			-	5.000	5.000	
1	Tiền nước uống/tháng				5.000	5.000	
	Các khoản thu phục vụ cho hoạt động giáo dục ngoài giờ học chính khoá			-	149.500	149.500	
1	Tiền tổ chức các chương trình kỹ năng sống/tháng				34.500	34.500	
2	Tiền tổ chức học ngoại ngữ với người nước ngoài/tháng				115.000	115.000	8 tiết/tháng
IX	KHỐI 5 : (BÁN TRÚ)					598.000	
	Các khoản thu hỗ trợ cho cá nhân					357.000	

STT	Nội dung thu	Số tiền thu tháng 2				Số tiền phải đóng	Ghi chú
		số ngày	Số tiền /ngày	Tổng cộng	Tháng 2		
1	Tiền suất ăn trưa bán trú/tháng	11	32.000	352.000		352.000	
2	Tiền nước uống/tháng				5.000	5.000	
	Các khoản thu phục vụ cho hoạt động giáo dục ngoài giờ học chính khoá			-	201.000	201.000	
1	Tiền tổ chức các chương trình kỹ năng sống/tháng				34.500	34.500	
2	Tiền tổ chức học ngoại ngữ với người nước ngoài/tháng				115.000	115.000	8 tiết/tháng
3	Tiền tổ chức dạy học 2buổi/tháng				40.000	40.000	
4	Tiền tổ chức dạy môn tin học tự chọn/ tháng				11.500	11.500	
	Các khoản thu phục vụ cho hoạt động bán trú				40.000	40.000	
1	Tiền tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú/tháng				40.000	40.000	
X	KHỎI 5: (1 BUỔI)					92.000	
	Các khoản thu phục vụ cho hoạt động giáo dục ngoài giờ học chính khoá			-	92.000	92.000	
1	Tiền tổ chức các chương trình kỹ năng sống/tháng				34.500	34.500	
2	Tiền tổ chức học ngoại ngữ với người nước ngoài/tháng				57.500	57.500	4 tiết/tháng

Lập bảng

Trương Thị Thanh Luyến

Ngày 01 tháng 02 năm 2024

Hiệu trưởng



Trần Công Thành